

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026
thuộc dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động
tiêm chủng mở rộng năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 2903/QĐ-BYT ngày 12 tháng 09 năm 2025 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-PAS ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống sốt xuất huyết, hoạt động tiêm chủng mở rộng, hoạt động phòng chống HIV/AIDS, hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-PAS ngày 31 tháng 07 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-PAS ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026;

Căn cứ Báo cáo E - HSĐT số BCĐGKQTCMR-2026/566 ngày 22 tháng 09 năm 2026 của Tổ chuyên gia cho Gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600423041;
- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2026;
- Giá gói thầu: 3.078.893.880 VND (*Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu;
- Loại hợp đồng: trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu

Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	208.830.000	208.830.000	-	-	25.900.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	218.378.400	218.378.400	-	-	18.566.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
3	Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	475.960.000	475.960.000	-	-	371.260.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
4	Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	149.447.865	149.447.865	-	-	95.212.585	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
5	Công ty Cổ phần Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	1.077.928.332	1.077.928.332	-	-	910.789.692	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	547.083.000	547.083.000	-	-	425.635.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
7	Công ty TNHH Phát triển Khoa học Sự Sống	0106215809	161.959.000	161.959.000	-	-	65.656.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
8	Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Lan Oanh	0301442682	46.411.920	46.411.920	-	-	46.411.920	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
9	Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	32.130.972	32.130.972	-	-	8.458.020	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
10	Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia	0304222357	70.334.250	70.334.250	-	-	70.334.250	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
11	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	0306310369	12.960.000	12.960.000	-	-	12.960.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
12	Công ty TNHH Mỹ Ân	0310143350	76.668.000	76.668.000	-	-	17.496.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
13	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	94.086.000	94.086.000	-	-	12.458.000	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
14	Công ty TNHH Thiết bị Duy Minh	0312385700	399.711.400	399.711.400	-	-	399.711.400	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
15	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	599.020.700	599.020.700	-	-	47.276.400	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
16	Công ty TNHH Chanu	0314029345	360.296.610	360.296.610	-	-	126.022.350	90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng							2.654.147.617		

Phụ lục II
THÔNG TIN NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316364	Bộ kit tách chiết DNA vi khuẩn	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316365	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316366	Mỗi các loại	Không đáp ứng YCKT
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316367	Bộ kit Mastermix realtime PCR	Không đáp ứng YCKT
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316368	Bộ kit Master Mix realtime PCR (không có ROX)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316368	Bộ kit Master Mix realtime PCR (không có ROX)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316369	Bộ kit Master Mix realtime PCT (ROX thấp)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Sự Sống	0106215809	PP2600316369	Bộ kit Master Mix realtime PCT (ROX thấp)	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316370	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316371	Cồn y tế 90 độ	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Mỹ Ân	0310143350	PP2600316376	Môi trường Columbia Agar Base	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316377	Môi trường Hoyle agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Mỹ Ân	0310143350	PP2600316377	Môi trường Hoyle agar	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316380	Đĩa petri nhựa 90mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316380	Đĩa petri nhựa 90mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316380	Đĩa petri nhựa 90mm	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316381	Micropipette cơ 8 kênh 10-100 uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316382	Micropipette cơ 8 kênh 30-300 uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Sự Sống	0106215809	PP2600316383	Bộ kit Multiplex master mix qPCR	Không đáp ứng YCKT
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10μl	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10μl	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200μl	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200μl	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316387	Đầu côn có lọc 1200uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316387	Đầu côn có lọc 1200μl	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316387	Đầu côn có lọc 1200uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316387	Đầu côn có lọc 1200uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316388	Ống ly tâm 0,5ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316388	Ống ly tâm 0,5ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Mỹ Ân	0310143350	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316391	Đĩa thạch máu MH đồ sẵn	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316393	Máng đựng hóa chất vô trùng 50 mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316394	Que cấy 10 ul	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316394	Que cấy 10 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316394	Que cấy 10 ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316395	Que cấy 1ul	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316395	Que cấy 1ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316395	Que cấy 1ul	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316397	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316397	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316398	Giấy đo pH	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316403	Kit tách chiết RNA vi rút	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Y tế VLG	0312385700	PP2600316403	Kit tách chiết RNA vi rút	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316406	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316406	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316408	Dung dịch kháng sinh Geneticin	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316409	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316409	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316409	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316410	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316411	Dung dịch Hepes	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316411	Dung dịch Hepes	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316412	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316413	Dung dịch PBS (Phosphate-Buffered Saline)	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316413	Dung dịch PBS (Phosphate-Buffered Saline)	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316415	Dung dịch DMSO	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316421	Hóa chất tinh sạch các sản phẩm PCR	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết	0312385700	PP2600316421	Hóa chất tinh sạch các sản	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
bị Y tế VLG			phẩm PCR	
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316423	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316423	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316423	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316423	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316424	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	PP2600316424	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316424	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316426	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316426	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	PP2600316426	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Mỹ Ân	0310143350	PP2600316426	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20μl	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20μl	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316428	Đầu côn có lọc 50μl	Không đáp ứng YCKT
Công ty cổ phần công nghệ TBR	0312549927	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000μl	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000μl	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000uL	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng	0105168916	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khóa 200 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
dụng Việt Nam				
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khía 200 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Dược F.D&C	0301750824	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khía 200 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khía 200 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khía 200 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316431	Đầu côn không lọc 1200µl	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316431	Đầu côn không lọc 1200uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316432	Hộp lưu mẫu 100 chỗ	Vượt giá kế hoạch
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316433	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vặn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316433	Ống trữ lạnh tiết trùng 2 ml nắp vặn	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316434	Pipet nhựa 5ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316434	Pipet nhựa 5ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316434	Pipet nhựa 5ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316435	Pipet nhựa 10ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316435	Pipet nhựa 10ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316435	Pipet nhựa 10ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316436	Chai nuôi cấy tế bào 75cm2 có lọc	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316436	Chai nuôi cấy tế bào 75cm2 có lọc	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316437	Găng tay nitrile không bột	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316438	Găng tay không bột	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316439	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Y tế VLG	0312385700	PP2600316443	Thang điện di 100 bp DNA	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công	0111164758	PP2600316444	Môi trường EMEM (Eagle's	Không đáp ứng YCKT

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
nghe VIS			Minimum Essential Medium)	
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316446	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Công nghệ VIS	0111164758	PP2600316447	Dung dịch L-Glutamine	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316447	Dung dịch L-Glutamine	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316448	Kit ức chế phổ rộng các RNase tái tổ hợp	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Sự Sống	0106215809	PP2600316449	Bộ kit chạy realtime RT-PCR một bước	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu	0304702378	PP2600316450	Enzyme phiên mã ngược	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Thiết bị Y tế VLG	0312385700	PP2600316450	Enzyme phiên mã ngược	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316452	Nước xử lý DEPC	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316453	Thuốc nhuộm DNA	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316455	Viên sát trùng	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316456	Dextran T40	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316457	Polyethylene glycol (PEG 6000)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316458	NaCl dạng bột	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316460	Dung dịch chuẩn 1N HCl 1L	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316463	Ống nuôi cấy tế bào	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316463	Ống nuôi cấy tế bào	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316464	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316464	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316464	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316466	Pipet nhựa 25ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316466	Pipet nhựa 25ml	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316466	Pipet nhựa 25ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty TNHH Chanu	0314029345	PP2600316467	Pipet nhựa 50ml	Không được xét là nhà

Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Lý do không đáp ứng
				thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316467	Pipet nhựa 50ml	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316468	Lọc Syrine 0,2um	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316470	Ống thông hậu môn size 22	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316471	Bình ly tâm 1000mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech	0106092106	PP2600316471	Bình ly tâm 1000mL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex	0101192851	PP2600316474	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	Không đáp ứng YCKT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316475	Đầu côn không lọc có khóa 10 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab	0102800460	PP2600316475	Đầu côn không lọc có khóa 10 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316475	Đầu côn không lọc có khóa 10 uL	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316476	Ống nhựa hút vô trùng	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang	0312315968	PP2600316477	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	0105168916	PP2600316484	Vật tư tiêu hao dùng cho máy realtime PCR ABI7500 Fast do Viện đang sở hữu và sử dụng (MSKK: 8075)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	PP2600316484	Vật tư tiêu hao dùng cho máy realtime PCR ABI7500 Fast do Viện đang sở hữu và sử dụng (MSKK: 8075)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh	0101101276	PP2600316484	Vật tư tiêu hao dùng cho máy realtime PCR ABI7500 Fast do Viện đang sở hữu và sử dụng (MSKK: 8075)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long	0101624188	PP2600316486	Hóa chất, Vật tư tiêu hao dùng kèm thiết bị đo huỳnh quang Qubit 2.0 của Viện sở hữu và đang sử dụng (Chưa có MSKK)	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

PHỤ LỤC III
THÔNG TIN HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam													
1	PP2600316364	Bộ kit tách chiết DNA vi khuẩn	QIAamp DNA Mini Kit (250)	51306	2025-2026	Đức	QIAGEN GmbH	Dựa trên phương pháp cột màng lọc silica, sử dụng công nghệ cột ly tâm, không dùng tách chiết hữu cơ và rửa cồn. Ly trích và thu nhận DNA từ mẫu ngoáy họng, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, mô, dịch cơ thể. Lượng DNA thu được tối thiểu 4-12ug cho 200ul mẫu. Sản phẩm ly trích DNA phải đạt hiệu suất cao và độ tinh sạch cao và không tồn dư chất hữu cơ hoặc cồn sau khi tách chiết. Loại bỏ hoàn toàn chất ức chế và tạp nhiễm, đủ chất lượng để giải trình tự WGS. Quy cách 250 test/hộp	250 test/hộp	Hộp	2	24.200.000	48.400.000
2	PP2600316365	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	Probe các loại	Không có	2026	Trung Quốc	Synbio Technologies	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Đầu dò cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Các kênh màu: FAM; HEX; VIC; ROX; JOE; Cy5 - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (Tối đa không quá 50nu)	Ống	Ống	19	11.999.988	227.999.772
3	PP2600316366	Mồi các loại	Primer các loại	Không có	2026	Trung Quốc	Synbio Technologies	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODs (hoặc 25 nmol) - Mồi cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện	Ống	Nu	1.532	22.950	35.159.400
4	PP2600316388	Ống ly tâm 0,5ml	Ống ly tâm 0,5ml	80-0500	2025-2026	Trung Quốc	Biologix	Không chứa DNase, RNase Có vạch chia thể tích Có thể hấp tiết trùng Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001 Quy cách đóng gói 500 cái/túi	500 cái/túi	Túi	5	216.000	1.080.000
5	PP2600316396	Kháng sinh bột Cephalixin	Cephalexin hydrate	C4895-25G	2025-2026	Trung Quốc	Sigma/Merck	Nhóm: Cephalosporin thế hệ 1 (β-lactam) Khối lượng phân tử: 347.39 g/mol (dạng khan)	25g/hộp	Hộp	1	11.607.840	11.607.840

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Dạng: bột pKa: 7,3 và 5,2 Cấu trúc: β -lactam Quy cách 25g/hộp					
6	PP2600316398	Giấy đo pH	Giấy đo pH	1109620003	2024-2026	Đức	Merck	Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh Kích thước: dài 4,8 - 5 mét Khoảng đo pH: 1-14 Quy cách đóng gói 3 cuộn/hộp	3 cuộn/hộp	Hộp	1	1.188.000	1.188.000
7	PP2600316403	Kit tách chiết RNA vi rút	QIAamp Viral RNA Mini Kit (250)	52906	2025-2026	Đức	QIAGEN GmbH	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút Thành phần: 250 cột có gắn màng silica Dung dịch ly giải Ống thu thập (2 ml) Chất mang gắn kết với RNA Chất đệm rửa Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide Quy cách: 250 test/hộp	250 test/hộp	Hộp	4	36.720.000	146.880.000
8	PP2600316415	Dung dịch DMSO	Dimethyl sulfoxide	D2650-100ML	2025-2026	Mỹ	Sigma/Merck	Độ tinh khiết $\geq 99\%$ Áp suất hóa hơi: 0,42 mmHg (20°C) Quy cách 100ml/chai	100ml/chai	Chai	1	8.910.000	8.910.000
9	PP2600316420	Bộ kit chạy RT-PCR một bước	OneStep RT-PCR Kit	210212	2025-2026	Đức	QIAGEN GmbH	Kit chạy RT-PCR 1 bước, chuẩn bị phản ứng bằng 1 ống Có thể hoạt động với nồng độ RNA từ 1pg-2µg Hỗn hợp Sensiscript và Omniscript Reverse Transcriptases, HotStarTaq DNA Polymerase, OneStep RT-PCR Buffer, hỗn hợp dNTP và Q-Solution cho phép khuếch đại các mẫu có hàm lượng GC cao hoặc mức độ cao của cấu trúc thứ cấp (ví dụ: các mẫu giàu GC) Thành phần (đủ cho 100 phản ứng): Hỗn hợp Enzyme (1 x 200 µl), Dung dịch đệm 5x 1 bước RT-PCR (1 x 1,15 ml), Hỗn hợp dNTP (1 x 200 µl, 10 mM mỗi loại), Dung dịch Q 5x (1 x 2 ml), Nước không chứa RNase (2 x 1,9 ml) Quy cách 100 test/hộp	100 test/hộp	Hộp	11	13.267.000	145.937.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
10	PP2600316422	Bộ kit chuyên dụng để loại bỏ các dye terminator	DyeEx 2.0 Spin Kit (250)	63206	2025-2026	Đức	QIAGEN GmbH	Bộ kit chuyên dụng để loại bỏ các dye terminator chưa phản ứng trong các phản ứng giải trình tự DNA, đặc biệt phù hợp với phương pháp Sanger sequencing Dung tích mẫu đầu vào: 10–20 µl Thể tích rửa giải: 10–20 µl Định dạng: Cột ly tâm (spin column) kèm ống thu 2 ml Loại bỏ hiệu quả: Dye terminator chưa phản ứng, bao gồm các đoạn <10 mers và 17–40 mers Quy cách 250 test/hộp	250 test/hộp	Hộp	1	52.107.000	52.107.000
11	PP2600316451	Dung dịch nạp mẫu	DNA Gel Loading Dye (6X)	R0611	2025-2026	Lithuania	Thermo Scientific	Nồng độ 6X Sử dụng trên gel agarose và polyacrylamide Chất chỉ thị màu: Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF (XCFF) EDTA liên kết các ion kim loại hóa trị II và ức chế các nuclease phụ thuộc ion kim loại Yêu cầu quy cách đóng gói 1ml x 5 ống/bộ	1ml x 5 ống/bộ	Bộ	1	1.449.360	1.449.360
12	PP2600316456	Dextran T40	DEXTRAN 40	31389-500G	2025-2026	Trung Quốc	Sigma/Merck	Dạng bột Khối lượng phân tử 40k Dalton Quy cách 500gr/chai	500gr/chai	Chai	2	37.756.800	75.513.600
13	PP2600316457	Polyethylene glycol (PEG 6000)	Polyethylene glycol	8074915000	2025-2026	Trung Quốc	Merck	Dạng rắn Nóng chảy ở 58-63°C pH 5-7 Quy cách 5kg/chai	5kg/chai	Chai	2	3.272.400	6.544.800
14	PP2600316458	NaCl dạng bột	Sodium chloride	DB0483	2025-2026	Canada	Biobasic	Dạng bột, tinh khiết (≥ 99%) Quy cách 500gr/chai	500gr/chai	Chai	2	367.200	734.400
15	PP2600316461	Crystal violet	Crystal violet (C.I. 42555)	1014080100	2025-2026	Trung Quốc	Merck	Công thức phân tử: C ₂₅ H ₃₀ ClN ₃ Khối lượng phân tử: 407,98 g/mol Dạng bột Độ tinh khiết: Chuẩn phân tích Quy cách 100gr/chai	100gr/chai	Chai	1	4.070.520	4.070.520
16	PP2600316463	Ống nuôi cấy tế bào	Ống nuôi cấy tế bào	430172	2025-2026	Trung Quốc	Corning	Ống nuôi cấy tế bào 15 mL Kích thước 16 x 125 mm, đáy tròn Kiểu nắp con dấu, có ron Chất liệu: Polystyrene Đã được tiệt trùng Quy cách: 500 cái/thùng	500 cái/thùng	Thùng	4	13.446.000	53.784.000
17	PP2600316472	Bì thủy tinh 3mm	Bì thủy tinh 3mm	Z265926-1EA	2025-2026	Đức	Sigma/Merck	Chất liệu Thủy tinh Soda-lime Đường kính 3 mm Sai số kích thước: +/-10% về kích thước	454 g/hộp	Hộp	1	1.080.000	1.080.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								hạt. Quy cách đóng gói: 454 g/hộp					
18	PP2600316476	Ống nhựa hút vô trùng	Pipette nhựa 3ml	30-0138A1	2025-2026	Trung Quốc	Biologix	Dung tích: 3ml Chiều dài: 162mm Chất liệu: Polyetylen (PE) Màu sắc: trong suốt Có vạch chia 0,5 mL trên ống Vô trùng: Tiệt trùng bằng bức xạ gamma (Loại 1 chiếc/ túi)	500 cái/hộp	Cái	2.000	2.160	4.320.000
19	PP2600316477	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Hộp nhựa PC 81 vị trí	90-9009	2025-2026	Trung Quốc	Biologix	Hộp 81 vị trí (9x9) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	Cái	20	151.200	3.024.000
20	PP2600316481	Cơ chất TMB-H2O2	TMB 2-Component Microwell Peroxidase Substrate Kit	5120-0050 (50-76-03)	2025-2026	Mỹ	Seracare	Thành phần: 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine trong một đệm axit. -H2O2 Quy cách: 2 chai x450mL/ bộ	2 chai x450mL/ bộ	Bộ	3	27.000.000	81.000.000
Tổng cộng													910.789.692
Công ty Cổ phần Thiết bị và Hóa chất Thăng Long													
1	PP2600316367	Bộ kit Mastermix realtime PCR	Bộ kit Mastermix realtime PCR (TaqMan™ Fast Advanced Master Mix for qPCR)	4444557	từ 2025 trở về sau	Lithuania	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Tương thích với hệ máy: 7500 System, BioRad iCycler iQ, BioRad iQ5, Stratagene Mx4000, MJ Chromo4, MJ Opticon, Stratagene Mx3000P, Stratagene Mx3005P, Cepheid SmartCycler, BioRad MyiQ. Có UDG và dUTP giúp ngăn chặn nhiễm chéo trong quá trình khuếch đại Quy cách 5mlx1 ống/hộp ~ 500 phản ứng/hộp	5mlx1/ống	Hộp	2	30.000.000	60.000.000
2	PP2600316397	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Easypet 3/ 4430000018	từ 2025 trở về sau	Đức	Eppendorf SE	- Công suất 1.100 mAh/3,7 V - Thời gian sử dụng pin khoảng 6 giờ - Thời gian sạc đầy pin: 2 - 3 giờ - Dễ dàng tháo lắp đầu cone để thay màng lọc - Sử dụng cho pipette nhựa hoặc thủy tinh có thể tích từ 0,1-100ml	Cái	Cái	1	18.500.000	18.500.000
3	PP2600316483	Sinh phẩm, hóa chất dùng cho máy giải trình tự SeqStudio Genetic Analyzer 3500 do Viện sở hữu và đang sử dụng (MSKK: 1257811P50010)											292.760.000
4	PP2600316483.1	Kit đánh dấu dùng cho Giải trình tự	Kit đánh dấu dùng cho Giải trình tự (BigDye)	4337455	từ 2025 trở về sau	Lithuania	Life Technologies/ Thermo	- Bộ kit cho giải trình tự gen kèm dung dịch đệm chạy trên máy điện di mao quản	100 phản ứng/hộp	Hộp	2	39.300.000	78.600.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			Terminator v3.1 Cycle Sequencing Kit)				Fisher Scientific	- Được sử dụng cho các ứng dụng: Giải trình tự vùng giàu AT (>65%), giải trình tự so sánh (đột biến dòng mầm – 50:50), giải trình tự vùng giàu GC (>65%), phát hiện bazơ hỗn hợp, giải trình tự đọc dài, giải trình tự lại, giải trình tự de novo – thông lượng cao (cDNA), giải trình tự khuôn mẫu giàu GT hoặc khuôn mẫu khó. - Sử dụng cho các thiết bị giải trình tự gen nguyên lý Sanger và điện di mao quản. - Quy cách đóng gói 100 phản ứng/hộp					
5	PP2600316483.2	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bigdye giải trình tự	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bigdye giải trình tự (BigDye Xterminator Kit)	4376486	từ 2025 trở về sau	Mỹ	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Dùng loại bỏ các muối và chất kết thúc BigDye chưa hợp nhất. - Sản phẩm cuối: DNA - Thời gian làm việc: 40 phút - Thành phần: - Dung dịch XTerminator (bảo quản ở 4°C) - Dung dịch SAM - Quy cách đóng gói 100 test/hộp	100 test/hộp	Hộp	1	12.400.000	12.400.000
6	PP2600316483.3	Ống mao quản 24 cap	Ống mao quản 24 cap (SeqStudio Flex Genetic Analyzer 24-Capillary Array)	A49107	từ 2025 trở về sau	Nhật Bản	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Mao quản được dùng cho hệ thống SeqStudio 24 Flex Genetic Analyzer cho các ứng dụng phân tích đoạn, giải trình tự gen và phân tích chất lượng protein - Chiều dài mao quản: 50cm - Mao quản được tối ưu cho các rất nhiều ứng dụng và sử dụng cùng với Pop 7, Pop 6 và Pop 4. - Được tích hợp thẻ nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) trên nhãn, cho phép xem, theo dõi và báo cáo các thông tin quan trọng về thuốc thử và vật tư tiêu hao, bao gồm mức độ sử dụng, số lô, mã sản phẩm, hạn sử dụng và thời gian sử dụng trên thiết bị. Quy cách đóng gói 1 array/hộp	1 array/hộp	Hộp	1	119.150.000	119.150.000
7	PP2600316483.4	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Dung dịch buffer anode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương (Anode Buffer Container	4393927	từ 2025 trở về sau	Vương quốc Anh	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Khay chứa đệm điện di dạng 1x sử dụng trên các dòng máy 3500. - Trên khay gắn nhãn nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) - Dùng cho các dòng máy giải trình tự 3500 và Seqstudio Flex - Dạng sẵn sàng sử dụng (ready to use), ở phía trên của khay đệm được hàn nhiệt	4 pack/ hộp	Hộp	1	5.950.000	5.950.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			3500 Series)					bằng màng nhựa, cần được tháo bỏ trước khi lắp trực tiếp lên thiết bị Quy cách đóng gói 4 pack/ hộp					
8	PP2600316483.5	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Dung dịch buffer cathode dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương (Cathode Buffer Container 3500 Series)	4408256	từ 2025 trở về sau	Vương quốc Anh	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Khay chứa đệm điện di dạng 1x sử dụng trên các dòng máy 3500. - Có 2 ngăn riêng biệt, trong đó ngăn bên trái cung cấp bộ đệm cực âm cho điện di và bên phải cung cấp chức năng rửa mao quản và đẩy chất thải polyme đã sử dụng giữa các lần bơm mẫu - Trên khay gắn nhãn nhận dạng tần số vô tuyến (RFID) - Dùng cho các dòng máy: 3500 Series Genetic Analyzers, SeqStudio Flex Series Genetic Analyzers Quy cách đóng gói 4 pack/ hộp	4 pack/ hộp	Hộp	1	8.330.000	8.330.000
9	PP2600316483.6	Miếng đệm dung dịch đệm điện cực Cathode buffer	Miếng đệm dung dịch đệm điện cực Cathode buffer (Septa Cathode Buffer Container, for 3500 and SeqStudio Flex)	4410715	từ 2025 trở về sau	Nhật Bản	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Dùng để đệm Cathode Buffer cho máy SeqStudio. Tấm đệm tương thích với 2 ngăn của Cathode Buffer Container Quy cách 10 miếng/ hộp	10 miếng/hộp	Hộp	1	21.700.000	21.700.000
10	PP2600316483.7	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương	Gel dùng cho máy phân tích trình tự gen sanger thế hệ 3500 hoặc tương đương (POP-7(384) Polymer 3500 Series Each)	4393708	từ 2025 trở về sau	Mỹ	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Polyme POP7 là ma trận phân tách cho ứng dụng điện di mao quản, dùng trên máy 3500 Được tối ưu hóa cho giải trình tự đọc trình tự ngắn tới dài và phân tích đoạn. - Dễ sử dụng: được pha chế sẵn và dùng trong túi dùng một lần, giúp tiết kiệm thời gian, đảm bảo độ tin cậy và tính nhất quán - Công thức mạnh mẽ: được xây dựng cho các ứng dụng phân tích trình tự và phân tích đoạn. - Cho phép sử dụng mao quản nhiều lần. - Được cung cấp theo dạng túi 384 mẫu Quy cách 384 phản ứng/ hộp	384 mẫu/túi	Hộp	1	11.290.000	11.290.000
11	PP2600316483.8	Dung dịch đệm 5X dùng chung với kit PCR bigdye giải trình tự sanger	Dung dịch đệm 5X dùng chung với kit PCR bigdye giải trình tự sanger (BigDye™ Terminator v1.1	4336697	từ 2025 trở về sau	Vương quốc Anh	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Nồng độ 5X - Dung dịch đệm giải trình tự này được tối ưu hóa để sử dụng với bộ kit BigDye Terminator v1.1 và v3.1 Cycle Sequencing. - Yêu cầu quy cách đóng gói 1ml/ống	1ml/ống	Ống	1	4.130.000	4.130.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			& v3.1 5X Sequencing Buffer)										
12	PP2600316483.9	Đĩa 96 giếng dùng cho máy giải trình tự sanger thế hệ 3500	Đĩa 96 giếng dùng cho máy giải trình tự sanger thế hệ 3500 (MicroAmp Optical 96-Well Reaction Plate)	N8010560	từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	- Đĩa 96 giếng thể tích 0,2ml - Dùng được trên hệ thống máy giải trình tự điện di mao quản thế hệ 3500 - Yêu cầu quy cách đóng gói 10 đĩa/hộp	10 đĩa/hộp	Hộp	2	4.880.000	9.760.000
13	PP2600316483.10	Nắp dùng cho đĩa 96 giếng, tương thích với hệ thống phân tích gene 3500, 3500xL và SeqStudio Flex	Nắp dùng cho đĩa 96 giếng, tương thích với hệ thống phân tích gene 3500, 3500xL và SeqStudio Flex (Septa for 96-Well Plates, for 3500/SeqStudio™ Flex)	4412614	từ 2025 trở về sau	Nhật Bản	Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific	Nắp cao su dùng cho đĩa 96 giếng, tương thích với hệ thống phân tích gene 3500, 3500xL và SeqStudio Flex Quy cách 20 đĩa/hộp	20 đĩa/hộp	Hộp	1	21.450.000	21.450.000
Tổng cộng													371.260.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu kỹ thuật – Technimex													
1	PP2600316426	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	96000	2025-2026	Hàn Quốc	SPL	Chất liệu Polyester Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp/ 100 miếng	Hộp	2	2.830.000	5.660.000
2	PP2600316436	Chai nuôi cấy tế bào 75cm2 có lọc	Chai nuôi cấy tế bào 75cm2 có lọc	430641U	2025-2026	Mỹ	Corning	- Diện tích nuôi cấy: 75cm2 - Chất liệu: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U, nắp màu cam - Xử lý bề mặt TC giúp tế bào bám dính tối ưu - Thể tích trung bình: 15 - 22,5 mL - Tiệt trùng bằng tia gamma và không chứa nội độc tố - Đạt chứng chỉ ISO 13485 Tiệt trùng bằng tia gamma Quy cách: 5 chai/túi, 100 chai/thùng	Thùng/ 100 Chai	Thùng	2	6.453.000	12.906.000
Tổng cộng													18.566.000
Công ty TNHH Chanu													
1	PP2600316370	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	1009831011	2024-2026	Đức	Merck - Đức	Độ tinh khiết: ≥ 99,9% Quy cách 1 lít/chai	1L/chai	Chai	2	453.600	907.200
2	PP2600316371	Cồn y tế 90 độ	Cồn y tế 90 độ	Không có code	2026	Việt Nam	Bidophar - Việt Nam	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 90% Quy cách 30 lít/chai	30L/chai	Chai	1	1.050.000	1.050.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	PP2600316389	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	Dây 8 giếng 0,2 ml kèm nắp cho Realtime PCR	A30588	2024-2026	Mexico	Thermo - Mỹ	- Dùng cho máy QuantStudio 7 Pro - Dài 8 ống PCR, có nắp quang học đi kèm. - Nắp góc cung cấp khả năng định vị dài ống hiệu quả trong giá đỡ và khối chu trình nhiệt - Ghi nhãn chữ AH khắc trên các ống riêng lẻ có thể nhìn thấy khi mở hoặc đóng nắp - Tăng diện tích ghi nhãn: các tab đầu kép để dán nhãn thích hợp và dễ dàng xử lý - Các điểm đánh dấu đo chia độ 20 µL trên mỗi ống để xác minh - Chiều cao tiêu chuẩn: 20,70 mm - Quy cách 125 strip/hộp	125 strips/hộp	Hộp	3	6.264.000	18.792.000
4	PP2600316394	Que cấy 10 ul	Que cấy 10 ul	65-0010	2024-2026	Trung Quốc	Biologix - Trung Quốc	Chất liệu Polystyrene Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA Quy cách 25 que/túi	25 que/túi	Túi	160	21.060	3.369.600
5	PP2600316395	Que cấy 1ul	Que cấy 1ul	65-0001	2024-2026	Trung Quốc	Biologix - Trung Quốc	Chất liệu Polystyrene Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA Quy cách 25 que/túi	25 que/túi	Túi	80	21.060	1.684.800
6	PP2600316431	Đầu côn không lọc 1200uL	Đầu côn không lọc 1200uL	F171601	2024-2026	Pháp	Gilson - Pháp	Phù hợp với Pipetman M_P8X1200M Có chia vạch Vật liệu: polypropylene Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/thùng	Thùng	6	6.480.000	38.880.000
7	PP2600316437	Găng tay nitrile không bột	Găng tay nitrile không bột	HTC.NPF	2025-2026	Việt Nam	HTC - Việt Nam	Chất liệu: 100% nitrile Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng Màu: Trắng hoặc xanh Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Quy cách 50 đôi/ hộp	50 đôi/ hộp	Hộp	80	85.050	6.804.000
8	PP2600316438	Găng tay không bột	Găng tay không bột	SS.LPF	2025-2026	Việt Nam	HTC - Việt Nam	- Nguyên liệu: cao su tự nhiên - Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay - Hàm lượng bột: ≤ 2 mg/găng tay - Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng - Quy cách 50 đôi/ hộp	50 đôi/hộp	Hộp	44	87.150	3.834.600
9	PP2600316439	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không có code	2025-2026	Việt Nam	Việt Nam	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn Quy cách 50 cái/hộp	50 cái/hộp	Hộp	31	34.650	1.074.150
10	PP2600316464	Chai nuôi cấy tế bào 25cm2	Chai nuôi cấy tế bào 25cm2	430168	2024-2026	Mỹ	Corning - Mỹ	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt	20 cái/túi, 500 cái/thùng	Thùng	1	13.068.000	13.068.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm ² Thể tích nuôi: 5 - 7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene Quy cách: 20 cái/túi, 500 cái/thùng					
11	PP2600316468	Lọc Syrine 0,2um	Lọc Syrine 0,2um	S7597-----FXOSK	2024-2026	Đức	Sartorius - Đức	Đường kính 28 mm, kích thước lỗ 0,2 µm Chất liệu: cellulose acetate không chứa surfactant Đã được xử lý vô trùng	50 cái/hộp	Cái	250	42.552	10.638.000
12	PP2600316471	Bình ly tâm 1000mL	Bình ly tâm 1000mL	3122-1000	2024-2026	Mỹ	Thermo - Mỹ	Bình nhựa tròn Chất liệu: polycarbonate Đường kính khoảng 98 - 99 mm Cao khoảng 177- 178 mm Thể tích chứa 1000mL Có nắp vận bằng polypropylene, chịu được lực ly tâm 7100xg, có thể hấp tiệt trùng	16 cái/thùng	Cái	16	1.620.000	25.920.000
Tổng cộng													126.022.350
Công ty TNHH Dược F.D&C													
1	PP2600316423	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Ống ly tâm 1.5ml	CFT000015	2020 đến nay	Trung Quốc	Jetbiofil	Loại không tiệt trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/Rnase Nhiệt độ làm việc từ -80°C to +121°C Quy cách: 500 cái/gói	gói/ 500 cái	Gói	29	168.480	4.885.920
2	PP2600316427	Đầu côn có lọc 20uL	Đầu tip 20ul có lọc tiệt trùng Pipette Micro Tips -20ul (20ul, ZEROTIP(super low retention), Filter, Sterile) - PMT252020	PMT252020	2020 đến nay	Trung Quốc	Jetbiofil	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	thùng/960 cái	Thùng	1	777.600	777.600
3	PP2600316433	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vận	Ống trữ lạnh 2ml tiệt trùng Freezing Vials (Flat cap) Self-standing Natural)	FCT522020	2020 đến nay	Trung Quốc	Jetbiofil	- Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml có nhãn viết - Chịu được nhiệt độ từ - 80°C đến 121°C - Chất liệu polypropylene; - Nắp vận ngoài, có ron - Không chứa DNase, Rnase Quy cách 500 cái/gói	gói/ 500 cái	Gói	3	874.800	2.624.400

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
4	PP2600316475	Đầu côn không lọc có khóa 10 uL	Pipette Micro Tips - Đầu tip lấy mẫu - 0.1-10ul	PPT000110	2020 đến nay	Trung Quốc	Jetbiofil	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Quy cách 1000 cái/túi	Gói/ 1000 cái	Túi	1	170.100	170.100
Tổng cộng													8.458.020
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương													
1	PP2600316425	Đĩa PCR 96 giếng có mã vạch	04729692001 LC480 MWPlate 96 White 50 pc	04729692001	Năm 2025 trở về sau	Germany	Roche Diagnostics GmbH - Germany	Thể tích làm việc: 0,1ml Đĩa PCR 96 giếng màu trắng, polypropylene, có mã vạch, tương thích máy Real-time PCR 96 giếng (phù hợp hệ thống LightCycler 480) Quy cách 50 plates/hộp	5 x 10 đĩa	Hộp	2	6.480.000	12.960.000
Tổng cộng													12.960.000
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Toàn Cầu													
1	PP2600316377	Môi trường Hoyle agar	Hoyle Medium Base	M015-500G	2025 - 2026	Ấn Độ	HiMedia Laboratorie s Pvt. Ltd.	Thành phần bao gồm dịch chiết pepton từ mô động vật 10g, dịch chiết bò 10g, sodium chloride 5g, Agar 15g. pH 7,8 ở 25°C. Đóng gói 500g/chai	Chai/ 500g	Chai	1	2.613.600	2.613.600
2	PP2600316380	Đĩa petri nhựa 90mm	Petri Dish 90x15 mm	HP0006	2025- 2026	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instruments	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 90x15 mm Quy cách 20 cái/gói	Gói/ 20 cái	Gói	100	33.600	3.360.000
3	PP2600316430	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	Tip 200ul; non Sterile	HP2032-1	2025- 2026	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instruments	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường Quy cách 1000 cái/túi	Túi/ 1000 cái	Túi	12	120.000	1.440.000
4	PP2600316449	Bộ kit chạy realtime RT-PCR một bước	qScript® XLT One-Step RT-qPCR ToughMix®, ROX	95133-500	2025- 2026	Mỹ	Quantabio	- Không bị ảnh hưởng bởi các chất ức chế thông thường bao gồm polysaccharides, heme/hemoglobin, axit humic, melanin - Sẵn sàng sử dụng - Dùng để định lượng RNA virus hoặc RNA mục tiêu - Hỗn hợp phản ứng 2x bao gồm: + dATP, dCTP, dGTP, dTTP, MgCl2 + Enzyme phiên mã ngược + RNase inhibitor protein + hot-start DNA polymerase + Chất nhuộm và chất ổn định Quy cách: 500 test/hộp	Hộp/ 500 test	Hộp	2	18.403.200	36.806.400
5	PP2600316452	Nước xử lý DEPC	Molecular Biology Grade Water (DEPC-	ML024-500ML	2025 - 2026	Ấn Độ	HiMedia Laboratorie s Pvt. Ltd.	Dùng trong Sinh học phân tử Xử lý DEPC Phương pháp tinh sạch: Hấp tiệt trùng,	Chai/ 500mL	Chai	2	918.000	1.836.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			treated)					lọc qua màng lọc Giá trị pH từ 6 - 8 Không có hoạt tính của endonuclease không đặc hiệu, exonuclease và RNase gây nhiễm Quy cách 500ml/chai					
6	PP2600316453	Thuốc nhuộm DNA	SafeView Classic	G108	2025-2026	Canada	Applied Biological Materials Inc.	Công thức nhuộm axit nucleic để điện di trên gel agarose - Được cung cấp dưới dạng nguồn gốc 10.000X và tương thích với ánh sáng xanh (tối ưu) và tia UV (yếu hơn). - Không gây ung thư. - Phát hiện ít nhất 1-2 ng DNA trên mỗi dải gel. Có thể đọc được dưới mã hình LED Ứng dụng: Phát hiện dsDNA, ssDNA và RNA trong gel agarose. Nồng độ 10.000X Có thể nhuộm trước hoặc sau điện di	Lọ/ 1mL	mL	1	1.220.400	1.220.400
Tổng cộng													47.276.400
Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Vietlab													
1	PP2600316373	Môi trường Muller Hinton Agar (MH)	Môi trường, Mueller Hinton II Agar	10031	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Môi trường để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh bằng kỹ thuật khuếch tán đĩa, theo CLSI và EUCAST. - Thành phần (g/l): Beef Extract 2,0; Acid Hydrolysate of Casein 17,5; Starch 1,5; Agar 17,0; pH cuối cùng 7,3 ± 0,2 ở 25°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE Quy cách 20 đĩa/hộp	20 đĩa/hộp	Hộp	1	557.510	557.510
2	PP2600316375	Mic test các loại	Hóa chất thử nghiệm, MIC Test Strip các loại (trừ MIC kháng nấm)	9xxxx	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh, gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, Chứng nhận CE tuân thủ quy định IVDR (EU) 2017/746 được cấp bởi Tổ chức chứng nhận - Đóng gói: 30 test/hộp	30 test/hộp	Hộp	10	3.749.280	37.492.800

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	PP2600316376	Môi trường Columbia Agar Base	Môi trường, COLUMBIA AGAR BASE	610013	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	- Thành phần (g/l): Peptospecial 23,0; Starch 1,0; Sodium Chloride 5,0; Agar 14,0; pH 7,3 ± 0,2 ở 25°C. - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE - Quy cách 500g/chai	500g/chai	Chai	2	1.988.090	3.976.180
4	PP2600316378	Máu cừu	MDL Defibrinated Sheep Blood (Máu cừu)	H.001.100	2026 trở đi	Việt Nam	MDL Asia	Máu cừu dùng trong pha chế các loại môi trường nuôi cấy vi khuẩn như: Blood agar, Mueller Hinton Blood agar, Chocolate agar... - Máu cừu đã được tách sợi huyết bằng bi. - Đã được kiểm tra vô khuẩn. - Tỷ lệ hồng cầu cừu >50% - Không có kháng sinh. - Không sử dụng chất chống đông - Không có chất bảo quản. - Bảo quản 2 – 8°C Đóng gói: 100 mL/chai	100mL/chai	Chai	15	616.875	9.253.125
5	PP2600316384	Đầu côn có lọc 10uL	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu, 10ul long Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-10XL-S-R	2025 trở đi	Trung Quốc	Hangzhou Galactics Medical Instrument Co., Ltd	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/thùng	Thùng	13	760.000	9.880.000
6	PP2600316386	Đầu côn có lọc 200uL	Dụng cụ hút/lấy/chứa mẫu, 200ul long Filter Tip, Sterile, Rack	HFT-200XL-S-R	2025 trở đi	Trung Quốc	Hangzhou Galactics Medical Instrument Co., Ltd	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/thùng	Thùng	8	760.000	6.080.000
7	PP2600316390	Đĩa thạch máu Columbia đỏ sẵn	Môi trường, COLUMBIA AGAR (Sheep Blood 5%)	11025	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Môi trường dạng đĩa, thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l): - Pancreatic Digest of Casein 12,0 - Starch 1,0 - Peptic Digest of Animal Tissue 5,0 - Sodium Chloride 5,0 - Yeast Extract 3,0 - Beef Extract 3,0 - Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml - Agar 10,0 - 14,0 - pH 7,3 ± 0,2 - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE"	20 đĩa/hộp	Hộp	25	616.110	15.402.750

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								- Đóng gói: 20 đĩa/hộp					
8	PP2600316392	Môi trường CHOCOLATE AGAR	Môi trường, CHOCOLATE AGAR	10023	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	- Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 7,5; Enzymatic Digest of Animal Tissues 7,5; Corn Starch 1,0; Dipotassium Phosphate 4,0; Monopotassium Phosphate 1,0; Sodium Chloride 5,0; Agar 17,0; Defibrinated Horse Blood 50,0 ml Vitalex Growth Supplement 10,0 ml; Final pH 7,2 ± 0,2 at 25°C. - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE" - Đóng gói: 20 đĩa/hộp	20 đĩa/hộp	Hộp	10	573.290	5.732.900
9	PP2600316399	Môi trường Columbia C.N.A. Agar Base +5% máu cừu	Môi trường, COLUMBIA CNA AGAR (Sheep Blood 5%)	11024	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Môi trường chuẩn bị sẵn, thành phần như sau: Peptospecial 23,0 Starch 1,000 Sodium chloride 5,000 Colistin sulphate 0,010 Nalidixic acid 0,015 Agar 14 - 15 Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml Quy cách 20 đĩa/hộp	20 đĩa/hộp	Hộp	10	616.110	6.161.100
10	PP2600316478	Môi trường skim milk	Môi trường, SKIM MILK	610491	2025 trở đi	Italy	Liofilchem S.r.l.	Thành phần như sau (g/l): Skim Milk 100,0 pH cuối cùng 6,3 ± 0,2 tại 25°C. Đóng gói: 500g/hộp	500g/hộp	Hộp	1	676.220	676.220
Tổng cộng													95.212.585
Công ty TNHH Mỹ Ân													
1	PP2600316424	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	MicroAmp Fast Optical 96-Well Reaction Plate with Barcode, 0.1 mL	4346906	2025	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích làm việc: 0,1ml Chất liệu nhựa Polypropylen, có barcode Quy cách: 20 cái/túi	20 đĩa/ Túi	Cái	20	221.670	4.433.400
2	PP2600316484	Vật tư tiêu hao dùng cho máy realtime PCR ABI7500 Fast do Viện đang sở hữu và sử dụng (MSKK: 8075)											13.062.600
2.1	PP2600316484.1	Dây ống 0,1ml quang học 8 vị trí	MicroAmp Fast 8-Tube Strip, 0.1 mL	4358293	2025	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích làm việc 0,1ml Không chứa DNase, Rnase Quy cách: 125 dây/hộp	125 dây/ hộp	Hộp	2	4.482.000	8.964.000
2.2	PP2600316484.2	Dây nắp quang học 8 vị trí	MicroAmp Optical 8-Cap Strips	4323032	2025	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Dây 8 nắp quang học Chất liệu: nhựa polypropylene Dây 8 nắp phù hợp với ống đơn 0,2 mL, dây 8 ống (thể tích 0,1 hoặc 0,2 mL), hoặc đĩa 48 hoặc 96 giếng. Không chứa DNase/Rnase Quy cách: 300 strips/hộp	300 dây/ hộp	Hộp	1	4.098.600	4.098.600

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Tổng cộng													17.496.000
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Sự Sống													
1	PP2600316368	Bộ kit Master Mix realtime PCR (không có ROX)	PerfeCTa MultiPlex qPCR ToughMix	95147-250	2025 trở về sau	Mỹ	Quantabio LLC	- Sử dụng nồng độ 2X hoặc 5X để khuếch đại các mẫu DNA được chiết xuất từ các mẫu môi trường, mô thực vật hoặc mô động vật - Không chứa hợp chất carboxy-X-rhodamine (ROX) - Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng chứa MgCl ₂ , dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), AccuStart II Taq DNA polymerase, chất ổn định cho enzyme. Không chứa chất nền ROX Quy cách 250 test/hộp	250 test/hộp	Hộp	4	16.414.000	65.656.000
Tổng cộng													65.656.000
Công ty TNHH Phát triển Khoa học Vitech													
1	PP2600316402	Dung dịch đệm TE	TE Buffer, pH 8.0 (1X)	AM9849	2025-2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Lọc qua màng 0,2 µm Không có hoạt tính của các endonuclease không đặc hiệu, exonuclease và RNase. Thành phần: 10 mM Tris (Tris-HCl) và 1 mM EDTA pH: 8,0 Quy cách 500ml/chai	500ml/chai	Chai	1	2.500.000	2.500.000
2	PP2600316404	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	11732088	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1 µg RNA tổng số Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM). Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Đóng gói 500 test/hộp	500 test/hộp	Hộp	2	74.000.000	148.000.000
3	PP2600316405	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	11732020	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C	100 test/hộp	Hộp	1	19.100.000	19.100.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM). Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Đóng gói 100 test/hộp					
4	PP2600316406	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM nồng độ glucose cao	DMEM, high glucose	11965092	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Dung dịch nuôi cấy tế bào. Thành phần: Glucose: 4.500 mg/lit, Phenol Red 15 mg/l, L - Glutamine 584 mg/l, Sodium bicarbonate 3,7 g/l Tiệt trùng: Lọc vô trùng Loại tế bào: Nguyên bào sợi sơ cấp, Noron, Tế bào thần kinh đệm, HUVEC, Tế bào cơ trơn Không có nguồn gốc động vật Không chứa: Sodium pyruvate, Hepes Đóng gói: 500 ml/chai	50 mL/Chai	chai	5	900.000	4.500.000
5	PP2600316407	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	Amphotericin B	15290026	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Thành phần: 250µg amphotericin B và 205µg sodium deoxycholate Nồng độ 0,25 – 2,50 µg/mL Đã được xử lý vô trùng Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào Độ thẩm thấu: 0-100 mOsm/kg, pH: 7 - 14 Đóng gói: 50 mL/Chai	50 mL/Chai	chai	2	3.240.000	6.480.000
6	PP2600316408	Dung dịch kháng sinh Geneticin	Geneticin™ Selective Antibiotic (G418 Sulfate) (50 mg/mL)	10131027	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 50 mg/mL Sử dụng phương pháp lọc vô trùng Nồng độ từ 100–200 µg/mL đối với vi khuẩn, hoặc 200–500 µg/mL đối với hầu hết các tế bào động vật có vú Quy cách: 100ml/chai	100 mL/Chai	chai	1	20.310.000	20.310.000
7	PP2600316409	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Fetal Bovine Serum, certified, United States	16000044	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Thành phần: huyết thanh bào thai bê Mức nội độc tố ≤5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin ≤15 mg/dL Bovine Gamma Globulin: Bovine Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg H2O pH: 7-8 Gamma Globulin ≤500 mg/L Protein tổng: 30,0 - 45,0 mg/L	500 mL/Chai	Chai	3	17.369.000	52.107.000

STT	Mã phân (lô)	Tên phân (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								Không có vi khuẩn và nấm, Bluetongue Virus, Bovine Adenovirus, Bovine Parvovirus, Reovirus, Rabies Virus Phương pháp khử trùng: tối thiểu ba lần lọc 0,1 µm Dùng trong nuôi cấy tế bào Đóng gói: 500ml/chai					
8	PP2600316410	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Penicillin-Streptomycin (10,000 U/mL)	15140122	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4,0 - 7,0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100ml/chai	100 mL/Chai	Chai	3	822.000	2.466.000
9	PP2600316411	Dung dịch Hepes	HEPES (1M)	15630080	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Đệm hòa chất hữu cơ lưỡng cực Nồng độ: 1M Công thức: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào dạng lỏng Giá trị pH 7,0 – 7,5 Đã được lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM Áp suất thẩm thấu: 1450 - 1800 mOsm/kg H2O Đóng gói: 100ml/chai	100 mL/Chai	Chai	3	2.843.000	8.529.000
10	PP2600316412	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	Sodium Bicarbonate 7.5% solution	25080094	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 7,5% Loại sản phẩm: Bổ sung Đã được lọc vô trùng Giá trị pH: 8,3 Độ thẩm thấu (1300 - 1600 mOsm/kg), pH (7,9 - 8,3) Đóng gói: 100 mL/chai	100 mL/Chai	Chai	5	632.000	3.160.000
11	PP2600316413	Dung dịch PBS (Phosphate-Buffered Saline)	PBS, pH 7.4 (1X)	10010023	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 1X Độ thẩm thấu: 280 - 315 mOsm/kg Không có Canxi, Magiê, Phenol Red, Natri Pyruvate Giá trị pH: 7,4 Yêu cầu quy cách đóng gói 500 ml/Chai	500 mL/Chai	Chai	2	1.000.000	2.000.000
12	PP2600316414	Dung dịch Trypsin-EDTA	Trypsin-EDTA (0.5%), no phenol	15400054	2025-2026	Anh	Thermo Fisher	Nồng độ: 10 X Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg	100 mL/Chai	Chai	1	1.211.000	1.211.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		10X	red				Scientific	Phạm vi pH: 7,1 – 8,0 Không chứa: Phenol Red Tiệt trùng: lọc vô trùng Tiêu chí kiểm tra: pH, độ thẩm thấu, độ vô trùng và hiệu suất. Nguyên liệu thô được chiếu xạ chùm tia điện tử và các tiền chất được kiểm tra nội độc tố, PPV, PCV 1/2, mycoplasma, vi khuẩn, nấm và nhiễm vi-rút. Thành phần: Sodium Chloride 8.500 mg/l, EDTA 4Na 2H2O 2.000 mg/l, Trypsin 5.000 mg/l Quy cách: 100 mL/chai					
13	PP2600316416	Dung dịch Bovine serum Albumin Fraction V (7,5%)	Bovine Albumin Fraction V (7.5% solution)	15260037	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 7,5 g/100 ml Giá trị pH : 6-8 Xác định Mycoplasma bằng qPCR: Âm tính Độ thẩm thấu: 305 - 370 mOsm/kg Protein tổng: 6,80 - 8,80 g/dL Pha trong phosphate-buffered saline Quy cách 100ml/chai	100 mL/Chai	Chai	2	3.000.000	6.000.000
14	PP2600316428	Đầu côn có lọc 50uL	Đầu tip 50µl, có lọc, đã tiệt trùng	TF-50Y-RS	2025-2026	Trung Quốc	Zhejiang A-gen Biotechnol ogy Co., Ltd.	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/thùng	Thùng	5	898.000	4.490.000
15	PP2600316429	Đầu côn có lọc 1000uL	Đầu tip 1000µl, có lọc, đã tiệt trùng	TF-1000B-RS	2025-2026	Trung Quốc	Zhejiang A-gen Biotechnol ogy Co., Ltd.	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/thùng	Thùng	4	898.000	3.592.000
16	PP2600316434	Pipet nhựa 5ml	Nunc™ Serological Pipettes, 5mL	170355N	2025-2026	Hàn Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích sử dụng: 5 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích ± 1% Có vạch chia Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng	200 cái/thùng	Thùng	4	1.600.000	6.400.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
17	PP2600316435	Pipet nhựa 10ml	Nunc™ Serological Pipettes, 10mL	170356N	2025-2026	Hàn Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích sử dụng: 10 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 1\%$ Có vạch chia Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng	200 cái/thùng	Thùng	4	1.700.000	6.800.000
18	PP2600316440	Agarose	UltraPure™ Agarose	16500100	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Ứng dụng: phân tách các đoạn DNA, RNA và PCR; Thu hồi các đoạn DNA, RNA và PCR; Phân tích bằng kỹ thuật Southern và Northern blotting; Phân tích miễn dịch khuếch tán xuyên tâm (RID) và Ouchterlony Không có hoạt tính DNase, RNase Dạng bột trắng. Độ bền gel (1%): $\geq 1.200\text{g/cm}^2$ Nhiệt độ gelatin hóa (1,5%): $\leq 36^\circ\text{C}$ Điểm nóng chảy (1,5%): $\geq 90^\circ\text{C}$ Phạm vi phân tách: 100 bp đến $>30\text{ k}$ Tiêu chí đánh giá: hình thức, độ ẩm, độ bền gel, nhiệt độ tạo gel, nhiệt độ nóng chảy, hàm lượng sulfat, thẩm thấu điện và hoạt động DNase/RNase. Đóng gói: 100 gram/chai	100 gram/chai	Chai	1	7.820.000	7.820.000
19	PP2600316441	Dung dịch TBE 10X	UltraPure™ TBE Buffer, 10X	15581044	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Được sử dụng để chạy điện di DNA trên gel polyacrylamide và agarose Nồng độ 10X Đã được lọc vô trùng, gồm 1 M Tris, 0,9 M axit boric và 0,01 M EDTA được sử dụng để chuẩn bị buffer 1X cho điện di polyacrylamide và gel agarose Không có DNase, RNase và Protease. pH: 8,30 - 8,50 Độ dẫn điện: 3,4 - 3,8 Không phát hiện: Ribonuclease, Deoxyribonuclease, Protease Đóng gói: 1L/chai	1L/chai	Chai	2	1.570.000	3.140.000
20	PP2600316442	Thang điện di 1kb DNA	1 Kb Plus DNA Ladder	10787018	2025-2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 0,5 µg/µl Số lượng phản ứng: 500 phản ứng Dùng để xác định kích thước từ 100 bp to 15.000 bp Gồm 18 vạch thang riêng biệt, có dải	500µl/bộ	Bộ	1	7.950.000	7.950.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
								tham chiếu tại 1500 bp Yêu cầu quy cách đóng gói 500µl/bộ					
21	PP2600316443	Thang điện di 100 bp DNA	100 bp DNA Ladder	15628019	2025-2026	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 0,5 µg/µl Số lượng phản ứng: 100 phản ứng Kích thước đoạn phân tách: 0,1 - 2 kb Tối thiểu 13 vạch thang riêng biệt, có các dải tham chiếu tại 2.000, 1.500 và 600 bp Yêu cầu quy cách đóng gói 100µl/bộ	100µl/bộ	Bộ	2	3.680.000	7.360.000
22	PP2600316444	Môi trường EMEM (Eagle's Minimum Essential Medium)	MEM, powder	61100061	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Đã được xử lý vô trùng bằng phương pháp lọc Dạng bột Không có Sodium Bicarbonat, Sodium Pyruvate, HEPES Không có nguồn gốc động vật Có chứa: nồng độ Glucose thấp (1000 mg/L), Glutamine (292 mg/L), Phenol red (10 mg/L) Yêu cầu quy cách đóng gói pha được 10 lít/hộp	10 lít/hộp	Hộp	2	2.927.000	5.854.000
23	PP2600316445	Dung dịch Trypsin-EDTA 1X	Trypsin-EDTA (0.25%), phenol red	25200056	2025-2026	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 1X Vô trùng: Lọc vô trùng Phạm vi pH: 7,2 - 8,0 Độ thẩm thấu: 270 - 320 mOsm/kg Loại tế bào: Tế bào động vật có vú Có Phenol Red (10 mg/L), EDTA (2500 mg/L), EDTA 4Na 2H2O (380 mg/L) Nguồn gốc động vật Nguyên liệu thô được chiếu xạ chùm tia điện tử và các tiền chất được kiểm tra nội độc tố, PPV, PCV 1/2, mycoplasma, vi khuẩn, nấm và nhiễm vi-rút. Quy cách 100ml/chai	100ml/chai	Chai	2	553.000	1.106.000
24	PP2600316446	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Penicillin-Streptomycin (10,000 U/mL)	15140122	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4,0 - 7,0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100ml/chai	100ml/chai	Chai	2	822.000	1.644.000
25	PP2600316447	Dung dịch L-Glutamine	L-Glutamine (200 mM)	25030081	2025-2026	Anh	Thermo Fisher	Nồng độ: 200 mM, 100X Trong suốt, đã lọc vô trùng, không có	100ml/chai	Chai	2	1.550.000	3.100.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
							Scientific	Phenol red Giá trị pH: 5-6 Nồng độ tối ưu từ 2-6 mM Độ thẩm thấu (440 - 500 mOsm/kg) Đóng gói: 100ml/chai					
26	PP2600316450	Enzyme phiên mã ngược	SuperScript™ III Reverse Transcriptase	18080044	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Là phiên bản biến đổi gen của enzyme MMLV (RT), giảm hoạt động RNase H, tăng thời gian bán hủy và độ ổn định nhiệt. Nồng độ: 200 U/μl Kích thước sản phẩm cuối cùng: 12,3 kb Đã loại bỏ hoạt động của Enzyme Ribonuclease H Thành phần: - Enzyme Reverse Transcriptase, 50 μl (10.000 units tại 200 U/μl); - Dung dịch buffer 5X 1 ml; - DTT (Dithiothreitol), 500 μl (100 mM) Yêu cầu quy cách đóng gói 10.000 units/bộ	10.000 units/bộ	Bộ	1	17.300.000	17.300.000
27	PP2600316466	Pipet nhựa 25ml	Nunc™ Serological Pipettes, 25mL	170357N	2025-2026	Hàn Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích sử dụng: 25 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Có vạch chia Độ chính xác của thể tích ± 1% Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 200 cái/thùng	200 cái/thùng	Thùng	3	2.800.000	8.400.000
28	PP2600316467	Pipet nhựa 50ml	Nunc™ Serological Pipettes, 50mL	170358N	2025-2026	Hàn Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích sử dụng: 50 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Có vạch chia Độ chính xác của thể tích ± 1% Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa RNase và DNase, không chứa DNA người, không gây độc tế bào và không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng bằng chùm tia điện tử (e-beam) đạt SAL 10, đóng gói từng cái Quy cách 100 cái/thùng	100 cái/thùng	Thùng	2	4.000.000	8.000.000
29	PP2600316474	Giếng chuẩn không màu	Immuno Clear Standard	469949	2025-2026	Đan Mạch	Thermo Fisher	Giếng nhựa tròn, trong, đáy bằng Thể tích làm việc 350 μL	640 thanh/hộp	Hộp	1	30.130.000	30.130.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		dùng cho phản ứng miễn dịch	Modules, 350 µL, Round, Flat Bottom (F-well),				Scientific	Mỗi thanh 1×8 giếng Xử lý bề mặt MaxiSorp Phân tử đích: Kháng thể Yêu cầu quy cách đóng gói 640 thanh/hộp					
30	PP2600316486	Hóa chất, Vật tư tiêu hao dùng kèm thiết bị đo huỳnh quang Qubit 2.0 của Viện sở hữu và đang sử dụng (Chưa có MSKK)											26.186.000
30.1	PP2600316486.1	Hóa chất đo nồng độ DNA mạch đôi	Qubit™ dsDNA Quantification Assay Kits	Q32854	2025-2026	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Đo DNA có nồng độ thấp, đề kháng với các tạp chất như muối, nucleotide tự do, ARN, chất tẩy rửa hoặc protein DNA đầu vào dao động 0,005 – 120ng/µL Phương pháp phát hiện: Huỳnh quang. Phạm vi phát hiện từ 0,1-120 ng. Bước sóng kích thích/phát xạ: 510/527 nm Hệ thống sử dụng: Qubit Fluorometer (máy đo huỳnh quang Qubit) Kích thước ống sử dụng: Ống PCR 0,5 mL thành mỏng, trong suốt. Bộ kit bao gồm thuốc thử, dung dịch pha loãng và các mẫu chuẩn DNA nồng độ: 0 ng/µL và 10 ng/µL. Đóng gói: 500 phản ứng/bộ	500 phản ứng/bộ	Bộ	1	16.186.000	16.186.000
30.2	PP2600316486.2	Ống đo nồng độ DNA	Qubit™ Assay Tubes	Q32856	2025-2026	Trung Quốc	Thermo Fisher Scientific	Thể tích 500µL Chất liệu: Polypropylene, thành mỏng Đóng gói: 500 cái/túi	500 cái/túi	Túi	2	5.000.000	10.000.000
Tổng cộng													425.635.000
Công ty TNHH Thiết bị Duy Minh													
1	PP2600316485	Hóa chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy giải trình tự Illumina Miseq do Viện sở hữu và sử dụng (MSKK: 8088)											399.711.400
1.1	PP2600316485.1	Bộ chuẩn thư viện PhiX v3	Bộ hóa chất đối chứng thư viện giải trình tự (PhiX CONTROL V3)	FC-110-3001	Từ năm 2025 trở đi	Mỹ	Illumina, Inc., Mỹ	- Nồng độ: 10nM trong 10 ul, kích thước trung bình 500 bp và cân bằng ở ~45% GC và ~55% AT + Đối chứng quá trình tạo cluster, giải trình tự và đối chiếu trình tự tham chiếu + Đối chứng nồng độ cao với các mẫu không cân bằng (bộ gen có hàm lượng AT hoặc GC dưới 40% hoặc hơn 60%) + Đối chứng nồng độ thấp + Đối chứng để tính toán các thông số giải trình tự bằng sinh tổng hợp (SBS) như chia pha và tỉ lệ lỗi. - Acid nucleic: DNA	1 Bộ	Bộ	1	9.578.800	9.578.800
1.2	PP2600316485.2	Bộ kit chuẩn bị	Hóa chất cho máy	20060059	Từ	Singapore	Illumina	Dùng để chuẩn bị thư viện, cho phép	Bộ: 96 mẫu	Bộ	1	178.763.200	178.763.200

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	PP2600316421	Hóa chất tinh sạch các sản phẩm PCR	Chất thử thí nghiệm: Wizard SV Gel and PCR Clean-up System, 250rea	A9282	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Promega - Mỹ	Hiệu suất thu hồi ≥95% Làm sạch DNA tới 10kb qua 3 bước Tinh sạch các sản phẩm PCR >100 bp dựa trên màng silica Thành phần: cột silica, Dung dịch đệm, Ống đựng mẫu 2ml Quy cách 250 test/bộ	250 phản ứng / bộ	Bộ	2	17.971.200	35.942.400
2	PP2600316448	Kit ức chế phổ rộng các RNase tái tổ hợp	Chất thử thí nghiệm: Recombinant RNasin® Ribonuclease Inhibitor, 10000u	N2515	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Promega - Mỹ	Các dạng gốc, tái tổ hợp và chống oxy hóa có sẵn Không ức chế SP6, T7 hoặc T3 RNA Polymerase Sử dụng trong nhiều xét nghiệm tiếp theo: Ức chế phổ rộng RNase của sinh vật nhân thực trong khoảng pH rộng (pH 5-8) Ức chế RNase A, B và C cũng như RNase nhau thai người Sử dụng để phân lập RNA, RT-PCR Quy cách đóng gói 10.000U/bộ	10,000U / bộ	Bộ	1	10.469.520	10.469.520
Tổng cộng													46.411.920
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Việt Anh													
1	PP2600316385	Đầu côn có lọc 30uL	Đầu côn có lọc 30uL	4821	Từ năm 2025 trở về sau	Mexico	Corning	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách 960 cái/thùng	960 cái/ thùng	Thùng	7	3.700.000	25.900.000
Tổng cộng													25.900.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thuận Giang													
1	PP2600316374	Kit định danh xác định vi khuẩn Gram dương	21342 - GP	21342	2026	Mỹ	Biomerieux	- Định danh những vi khuẩn Gram dương bằng máy định danh Vitek 2 (MSKK: 8097) - Quy cách 20 test/hộp	Hộp/20 test	Hộp	1	3.960.000	3.960.000
2	PP2600316379	Giấy lau kính hiển vi	Giấy kimtech	34120	2025	Đài Loan	Kimtech	Kích thước 11 x 21,3 cm Quy cách 280 tờ/hộp	280 tờ/hộp	Hộp	4	95.000	380.000
3	PP2600316393	Máng đựng hóa chất vô trùng 50 mL	Máng đựng hóa chất vô trùng 50 ML	S050-5S	2025	Trung Quốc	Runlab	Chất liệu: polystyrene Thể tích chứa 50mL Đáy hình chữ V Quy cách 5 cái/túi	Gói 5 cái	Túi	200	20.000	4.000.000
4	PP2600316455	Viên sát trùng	Viên sát trùng	SPR25	2026	Ai-len	Medentech Limited-ASP	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50% Quy cách 100 viên/hộp	100 viên/hộp	Hộp	5	650.000	3.250.000
5	PP2600316469	Gel bôi trơn hậu môn	Gel bôi trơn 82g	NLG-0003	2025	Thổ Nhĩ Kỳ	TURKUAZ MEDIKAL KOZMETI	Dùng bôi trơn hậu môn Quy cách đóng gói: 82g/tuýp	82g/tuýp	Tuýp	6	110.000	660.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
							K VE DIS TICARET LTD. STI						
6	PP2600316482	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 5ml/cc 25Gx1"	BT5-KT-VH	2026	Việt Nam	Vinahanko ok	Chất liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: nhựa PP Chất liệu làm thân kim: thép không gỉ Kích cỡ kim: 25G x 1" Quy cách 100 cái/hộp	Hộp/100 cái	Hộp	2	104.000	208.000
Tổng cộng													12.458.000
Công ty TNHH Thương mại Y tế Phú Gia													
1	PP2600316417	Kit Sởi IgM	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng vi rút Measles (SERION ELISA classic Masern/Measles Virus IgM)	ESR102M	2025 trở về sau	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Xét nghiệm miễn dịch định tính và định lượng để phát hiện kháng thể IgM của người đặc hiệu với Virus Sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Tổng thời gian ủ: 120 phút Đọc kết quả ở bước sóng 405nm/620-690nm Độ nhạy: 98,9% Độ đặc hiệu: > 99% Độ lặp lại CV (%): 1,9-2,8 Khoảng Đo: 5 - 800 U/ml Giới hạn Định lượng: 5 U/ml Không xuất hiện hiệu ứng hook. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2,00 g/L hemoglobin, 11,50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0,201 g/L bilirubin. Cần xử lý mẫu với chất hấp thụ các yếu tố dạng thấp trước khi xác định IgM Quy cách đóng gói: 96 test/hộp	96 test/ hộp	Hộp	5	6.298.425	31.492.125
2	PP2600316418	Kit Rubella IgM	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng Rubella (SERION ELISA classic Röteln/Rubella Virus IgM)	ESR129M	2025 trở về sau	Đức	Institut Virion\Serion GmbH	Xét nghiệm miễn dịch định tính và định lượng để phát hiện các kháng thể IgM của người đặc hiệu với Virus Rubella trong huyết thanh hoặc huyết tương. Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Tổng thời gian ủ: 120 phút Đọc kết quả ở bước sóng 405nm/620-690nm Độ nhạy: >99% Độ đặc hiệu: 96,8% Độ lặp lại CV (%): 2,4-2,9 Khoảng Đo: 2 - 120 U/ml Giới hạn Định lượng: 2 U/ml Không xuất hiện hiệu ứng hook. Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ	96 test/ hộp	Hộp	5	6.298.425	31.492.125

